TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01/9/2017
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Thiện

Ông Trần La

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk *tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 01/9/2017, tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2017, về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 23, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn 23, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bà L, ông H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2017 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Năm 1989, bà và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai người đã có 02 con

chung. Ông bà chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thay đổi tính cách, thường hay rượu chè say xỉn, chửi bới và đánh đập bà L. Bà L đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông H vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi. Nay bà L xét thấy không còn tình cảm với ông H nữa, đời sống chung không thể kéo dài, các con cũng đã trưởng thành, nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin không công nhận quan hệ giữa bà và ông Lê Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Bà L xác định quá trình chung sống, bà và ông H có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 18/4/1990 và Lê Văn T, sinh ngày 10/12/1992. Hiện các con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông H xác định lời trình bày của bà L tại phiên tòa và qua các lần tham gia tố tụng tại Tòa án là đúng. Ông cũng thừa nhận thời gian gần đây giữa ông và bà L có lúc cãi vã nhau quyết liệt, có lúc dẫn đến xô xát, ông cũng hay uống rượu say xỉn và có đôi lần đánh bà L, nhưng đánh là do mâu thuẫn gia đình chứ không phải say xỉn.

Nay bà L làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà là vợ chồng, ông đồng ý vì giữa ông bà cũng không còn tình cảm với nhau nữa.

- Về con chung: Ông xác định lời trình bày của bà L là đúng và ông cũng đồng ý về việc không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng vì các con chung đã đủ tuổi thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Văn H là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 23, xã E, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống đến năm 1990 thì giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài từ đó cho đến nay ngày một tăng lên. Nguyên

nhân mâu thuẫn do ông H thay đổi tính cách, thường hay rượu chè say xỉn, chửi bới và đánh đập bà L. Ông H cũng thừa nhận sự việc này, do đó bà L có đơn đề nghị Tòa án không công nhận bà với ông H là vợ chồng là có cơ sở vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc bà L và ông H không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…." Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà L với ông H sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là có căn cứ và ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài, nay cả hai xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, tuyên bố không công nhận bà Trần Thị L và ông Lê Văn H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông H xác định có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 18/4/1990 và Lê Văn T, sinh ngày 10/12/1992. Hiện các con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và nhận thức nên việc ở với ai là quyền của các con, không yêu cầu giải quyết là có cơ sở nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị L là người nộp đơn khởi kiện nên căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Không công nhận bà Trần Thị L và ông Lê Văn H là vợ chồng.

* Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Lê Văn H có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 18/4/1990 và Lê Văn T, sinh ngày 10/12/1992. Hiện các con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng nhận thức và lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

* Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng*(Ba trăm nghìn đồng)*đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000080 ngày 03/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- UBND xã Ea Bhôk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Cường